

Số: /GPMT-UBND Phú Thọ, ngày tháng 01 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2299/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất quần áo bảo hộ cao cấp, túi đựng mỹ phẩm, thực phẩm” tại lô số 10, Khu công nghiệp Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ của Công ty TNHH TJB Vina (Công ty cổ phần Hoàng Hà nhận chuyển nhượng dự án);

Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty cổ phần Hoàng Hà tại Văn bản số 2612/CPHH ngày 26 tháng 12 năm 2022 và hồ sơ nộp kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 03/TTr-TNMT ngày 04/01/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần Hoàng Hà, có địa chỉ trụ sở chính tại lô số 7, Khu công nghiệp Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án: “Xây dựng nhà máy sản xuất quần áo bảo hộ cao cấp, túi đựng mỹ phẩm, thực phẩm, bao bì container” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án: xây dựng nhà máy sản xuất quần áo bảo hộ cao cấp, túi đựng mỹ phẩm, thực phẩm, bao bì container.

1.2. Địa điểm hoạt động: lô số 10, Khu công nghiệp Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 6508445351 do Ban quản lý các Khu công nghiệp Phú Thọ chứng nhận lần đầu ngày 09/10/2015, chứng nhận điều chỉnh lần thứ ba ngày 15/9/2022.

1.4. Mã số thuế: 2600315559.

1.5. Loại hình sản xuất: sản xuất quần áo bảo hộ cao cấp, túi đựng mỹ phẩm, thực phẩm, bao bì container.

1.6. Phạm vi, quy mô dự án:

- Phạm vi: diện tích thực hiện dự án: 11.424,9m² tại lô số 10, Khu công nghiệp Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- Quy mô: dự án nhóm C (theo tiêu chí phân loại dự án của Luật Đầu tư công); thuộc dự án đầu tư nhóm III theo tiêu chí phân loại dự án đầu tư của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Công suất sản xuất: tổng công suất sản xuất 21.520.000 sản phẩm/năm, trong đó: quần áo bảo hộ y tế, bảo hộ chống nhiễm từ 270.000 sản phẩm/năm; mũ và các sản phẩm khác 450.000 sản phẩm/năm; túi đựng mỹ phẩm, thực phẩm 20.000.000 sản phẩm/năm; bao bì container 800.000 sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với nước thải và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần Hoàng Hà:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần Hoàng Hà có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm theo quy định; báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Phú Thọ, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các Khu công nghiệp Phú Thọ, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định trong Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Phú Thọ theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- CT, PCT (Phan Trọng Tấn);
- Sở TN&MT;
- UBND thành phố Việt Trì;
- Ban quản lý các Khu công nghiệp;
- CVP, các PCVP;
- Công ty cổ phần Hoàng Hà;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TN3 (Tr-15b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Trọng Tấn

PHỤ LỤC 1
YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng 01
năm 2023 của UBND tỉnh Phú Thọ)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý được thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp Thụy Vân; không xả nước thải ra môi trường).

- Đã có thoả thuận đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thụy Vân theo các văn bản đã ký với Trung tâm Phát triển hạ tầng và Dịch vụ khu công nghiệp (chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Thụy Vân và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung), bao gồm: Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số 57/HĐ-XLNT ngày 10/8/2022.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt từ khu vệ sinh được thu gom bằng các đường ống PVC Φ50 đến Φ176, tổng chiều dài là 106,52m về 02 bể tự hoại để xử lý sơ bộ, sau đó theo rãnh thoát nước có kích thước chiều rộng B=300mm; chiều sâu H=300mm; tổng chiều dài L=105m đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thụy Vân để xử lý đạt cột A QCVN 40:2011/BTNMT.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Công trình xử lý nước thải: 02 bể tự hoại (thể tích 30m³/bể).
- Tóm tắt quy trình xử lý nước thải: nước thải từ nhà vệ sinh → bể tự hoại → hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Thụy Vân.
- Hóa chất sử dụng: không.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra công trình, thiết bị, đường ống, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.
- Định kỳ nạo vét hệ thống đường ống nước mưa, nước thải, các hố ga để tăng khả năng thoát nước.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: bắt đầu từ ngày 01/02/2023, kết thúc ngày 20/02/2023.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: bể tự hoại.

a) Vị trí lấy mẫu: sau bể tự hoại (tại điểm đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Thụy Vân).

b) Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Giám sát các thông số gồm: lưu lượng, pH, BOD₅, COD, chất rắn lơ lửng, Sunfua, Amoni (tính theo N), tổng nitơ, tổng photpho (tính theo P), tổng dầu mỡ khoáng, Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B.

- Khuyến khích chủ dự án thực hiện quan trắc nước thải để tự theo dõi, giám sát công trình xử lý nước thải, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Lưu lượng	m ³ /ngày đêm	-	3 tháng/lần
2	pH	-	5,5 - 9	
3	BOD ₅	mg/l	50	
4	COD	mg/l	150	
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100	
5	Sunfua	mg/l	0,5	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	
7	Tổng N	mg/l	40	
8	Tổng P (tính theo P)	mg/l	6	
9	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/l	10	
10	Coliform	MPN/100ml	5.000	

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phụ lục này trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước tập trung của Khu công nghiệp Thụy Vân.

3.2. Thực hiện đúng quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, khoản 7 và khoản 8, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải./.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng 01 năm 2023 của UBND tỉnh Phú Thọ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

Khí thải phát sinh từ khu vực in.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

Một dòng khí thải tương ứng với ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải từ khu vực in.

2.1 Vị trí xả khí thải: tọa độ X: 2359897,2; Y: 562079,1 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104°45', múi chiều 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 4.500 m³/h.

a) Phương thức xả khí thải: cưỡng bức bằng quạt hút, chế độ xả thải gián đoạn.

b) Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí: phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, với hệ số $K_v = 1$; $K_p = 1$), QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ. Khuyến khích chủ dự án thực hiện quan trắc khí thải để tự theo dõi, giám sát hệ thống xử lý khí thải, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép (C_{max})	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Lưu Lượng	m ³ /h	-	3 tháng/lần
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	200 ⁽¹⁾	
3	Toluen	mg/Nm ³	750 ⁽²⁾	
4	Butanol	mg/Nm ³	360 ⁽²⁾	

Ghi chú:

- ⁽¹⁾QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, với hệ số $K_v = 1$; $K_p = 1$).

- ⁽²⁾QCVN 20:2009/BTNMT.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý khí thải:

Khí thải phát sinh tại khu vực máy in được thu gom bằng 01 chụp hút kích thước (3 x 3)m dẫn vào đường ống kích thước $D = 280\text{mm}$, chiều dài 3,7m, sau đó

dẫn vào hệ thống xử lý khí thải bằng tháp hấp phụ than hoạt tính trước khi thải ra ngoài môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

- Tóm tắt quy trình xử lý khí thải: khí thải phát sinh từ khu vực in → chụp hút → tháp hấp phụ than hoạt tính → quạt hút → thoát ra ngoài môi trường qua ống thoát khí.

- Thông số thiết kế:

+ 01 hệ thống than hoạt tính kích thước tháp hấp phụ HxD = (2.314,38 x 833,94) mm, gồm 2 lớp than hoạt tính dày 15mm/lớp.

+ 01 quạt hút lưu lượng 4.500 m³/h.

+ 01 ống thoát khí: kích thước đường kính D= 30cm, cao = 4,5m.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: than hoạt tính.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Định kỳ hằng năm tiến hành bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải.

- Khi có sự cố, dừng hoạt động sản xuất, kiểm tra hệ thống xử lý khí thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Bắt đầu từ ngày 01/02/2023, kết thúc ngày 20/02/2023.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý khí thải tại công đoạn in.

a) Vị trí lấy mẫu:

Trên ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải tại khu vực in.

b) Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thực hiện đúng quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; khoản 7 và khoản 8, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng 01
năm 2023 của UBND tỉnh Phú Thọ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: khu vực may.
- Nguồn số 02: khu vực cắt.
- Nguồn số 03: khu vực kiểm hàng, đóng hàng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: lô số 10, Khu công nghiệp Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- Nguồn số 01: tọa độ X: 2359643,4; Y: 562174,0.
- Nguồn số 02: tọa độ X: 2359875,7; Y: 562193,1.
- Nguồn số 03: tọa độ X: 2359834,8; Y: 562134,5.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu:

3.1. Tiếng ồn:

Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn theo quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (theo mức âm tương đương) dBA:

TT	Khu vực	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ
1	Khu vực đặc biệt	55	45
2	Khu vực thông thường	70	55

3.2. Độ rung:

Độ rung không vượt quá giới hạn cho phép theo Quy chuẩn QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung:

TT	Khu vực	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)	
		Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ
1	Khu vực đặc biệt	60	55
2	Khu vực thông thường	70	60

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Biện pháp giảm tiếng ồn: bố trí hợp lý vị trí của từng khâu sản xuất trong dây chuyền sản xuất và thường xuyên tra dầu mỡ, bảo dưỡng máy móc, thiết bị nhằm hạn chế thấp nhất tiếng ồn phát sinh. Trang bị đồ bảo hộ lao động cho công nhân.

- Biện pháp giảm thiểu độ rung: thường xuyên kiểm tra cân bằng máy móc, thiết bị. Dùng kết cấu đàn hồi giảm rung như gối đàn hồi cao su... được lắp giữa máy và bệ máy đồng thời định kỳ kiểm tra hoặc thay thế.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A Phụ lục này./.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng 01
năm 2023 của UBND tỉnh Phú Thọ)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Mực in thải	08 02 01	5
2	Hộp chứa mực in thải	08 02 04	15
3	Giẻ lau thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	50
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	3
5	Dầu thủy lực tổng hợp thải	17 01 06	60
6	Dầu hộp số thải	17 02 03	50
7	Than hoạt tính qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	12 01 04	40
8	Bao bì kim loại cứng (chứa các thành phần nguy hại) thải	18 01 02	50
Tổng			273

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Gồm vải vụn, kim khâu gãy, lõi ống chỉ, bìa carton, đầu mẫu nguyên liệu, sợi, vải PP, PE hỏng, bao bì đựng nguyên liệu, bao nilon, bao bì bán thành phẩm thải loại trong quá trình sản xuất khoảng 105.600 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 18 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

a) Thiết bị lưu chứa: 8 thùng chứa dung tích 200 lít/thùng được dán nhãn, biển cảnh báo, mã số chất thải nguy hại.

b) Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 10,3m².

- Thiết kế, cấu tạo: thiết kế mặt sàn khu vực lưu giữ bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài

khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật; có vật liệu hấp thụ (như cát khô) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường:

a) Thiết bị lưu chứa: không.

b) Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 32m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: kho lưu chứa có mái che kín, nền cứng hóa bằng bê tông.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt:

a) Thiết bị lưu chứa: 3 thùng chứa dung tích 20 lít/thùng.

b) Kho lưu chứa: không.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quản lý chất thải:

Thực hiện việc phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại các Điều 75, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Xây dựng, thực hiện các biện pháp an toàn lao động, các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố hệ thống xử lý khí thải và các sự cố môi trường khác theo quy định pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ Môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.

